

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.
Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/042005 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/11/2012)*



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần In số 4
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Tổng số lượng đăng ký giao dịch	: 1.200.000 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký giao dịch	: 12.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN SAO VIỆT

Trụ sở chính : 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Tp HCM

Điện thoại : (84.8) 35261357 Fax: (84.8) 35261359

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

*(Ban hành theo thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Trưởng Bộ tài Chính
hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên gọi	: CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4
Tên giao dịch quốc tế	: No 4 printing joint stock company
Tên viết tắt	: IN4 JSC
Giấy chứng nhận doanh nghiệp	: 0300462580
Vốn điều lệ	: 12.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 12.000.000.000 đồng
Địa chỉ	: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. HCM
Điện thoại	: 08 38291312
Fax	: 08 38297577
E-mail	: ctcpin4@gmail.com
Website	: http://www.inso4.com
Mã cổ phiếu	: IN4

(Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/11/2012)

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công Ty Cổ Phần In số 4 tiền thân là Xí Nghiệp Quốc doanh In số 4 - được thành lập từ tháng 12/1979 thuộc Sở Văn hóa Thông tin sau đó đổi tên thành Xí nghiệp In số 4 theo Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 26/11/1992 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tiến hành thành công công tác cổ phần hóa Xí nghiệp, Công ty đã chính thức lấy tên Công ty Cổ phần In số 4 vào tháng 05/2005.

Hoạt động với tinh thần trách nhiệm, công khai, dân chủ và đoàn kết, cán bộ công nhân viên trong công ty đã tạo nên một tập thể vững mạnh với đội ngũ lao động có tay nghề cao và dần từng bước xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển ổn định, vững mạnh, khẳng định vị thế của doanh nghiệp trong ngành và khu vực.

Sau hơn 30 năm hoạt động, với sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo, Công ty không chỉ nhận được sự tín nhiệm của khách hàng, lòng tin của người tiêu dùng mà còn được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Bộ Tài Chính, Tổng Cục Thuế, Bộ Văn hóa Thông tin, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh...

Với tiềm năng phát triển và những thành tích đã đạt được, Công ty đã đang và luôn phấn đấu nhằm thực hiện mục tiêu không chỉ ổn định và chăm lo đời sống người lao động mà còn đóng góp vào sự phát triển chung của ngành, của Thành phố và đất nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580, Công ty Cổ phần In số 4 có ngành nghề kinh doanh như sau: In các loại sản phẩm: sách báo, xuất bản phẩm, bao bì, mác nhãn mang tính thương mại, biểu mẫu kinh doanh, hóa đơn chứng từ. Đóng xén sách báo, bế hộp, mạ nhũ vàng. Cho thuê văn phòng. Giáo dục tiểu học.

Địa bàn kinh doanh: Phạm vi kinh doanh trên toàn lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, trong đó chủ yếu là tại thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Cao nhất là Đại hội đồng cổ đông, kế tiếp Hội đồng quản trị và Ban điều hành là những người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động công ty giữa 2 kỳ đại hội. Bên cạnh đó tinh thần dân chủ trong nội bộ công ty luôn được đề cao thể hiện qua việc mọi thành viên trong công ty đều có thể bày tỏ ý kiến để đóng góp xây dựng vào quá trình vận hành của doanh nghiệp nhằm giúp công ty đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh sản xuất.

Tổ chức kinh doanh: Chú trọng vào công việc sản xuất chính là tổ chức sản xuất và cung ứng các sản phẩm về In và các dịch vụ ngành In có liên quan. Hiện chưa tham gia vào các ngành nghề khác đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như: cho thuê văn phòng, giáo dục các cấp hoặc thị trường chứng khoán.

Cơ cấu tổ chức quản lý điều hành của công ty:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng ban, phân xưởng trực thuộc.

5. Định hướng phát triển

- ✚ Duy trì và củng cố nguồn việc hiện có trên cơ sở tận dụng uy tín vốn có đối với các khách hàng truyền thống và cố gắng khai thác thêm nguồn việc mới, khách hàng mới.
- ✚ Nâng cao chất lượng sản phẩm trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ bằng cách tiếp cận và trang bị các máy móc thiết bị hiện đại công nghệ cao.
- ✚ Xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý nhằm khuyến khích người lao động, sắp xếp lại lao động ở một số khâu nhằm tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất lao động.
- ✚ Tiết giảm chi phí và vận dụng nguồn vốn hiện có một cách linh hoạt.

6. Các rủi ro:

Nằm trong tình trạng chung của các doanh nghiệp hiện đang hoạt động, công ty cũng gặp rủi ro lớn nhất là tình hình chiếm dụng vốn và phát sinh công nợ dây dưa, thậm chí có khả năng mất vốn đã đầu tư sản xuất. Để khắc phục, doanh nghiệp chú trọng đến việc tìm hiểu, điều tra năng lực các khách hàng mới đồng thời hạn chế tối đa trong việc cho đối tác nhận hàng trước khi thanh toán.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Nền kinh tế Việt Nam năm 2014 đã phải thực hiện trong bối cảnh nền kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo. Tuy nhiên bằng những chủ trương chính sách đúng đắn của nhà nước và chính phủ nên chúng ta đã thu được nhiều kết quả tốt thể hiện qua dấu hiệu tích cực của nền kinh tế ở những điểm sáng mà ta có thể nhận thấy rất rõ như dưới đây :

* GDP tăng trưởng vượt dự báo, đạt 5,98% và là năm đầu tiên trong kế hoạch 5 năm 2011-2015 thực hiện được chỉ tiêu quan trọng này.

* Chỉ tiêu lạm phát đạt mức độ thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây với số tuyệt đối hơn 4%. Điều này nói lên mục tiêu kiềm chế lạm phát đã được nhà nước và chính phủ hoàn thành tốt.

* Thị trường tiền tệ ổn định đồng thời tín dụng tăng trưởng khả quan.

* Thị trường bất động sản có chuyển biến âm dần lên qua việc thực hiện các dự án nhà ở được triển khai hàng loạt trên cả nước.

Bên cạnh những dấu hiệu tích cực chúng ta đã đạt được, một số khó khăn mà nền kinh tế gặp phải trong những năm vừa qua cũng như từ những năm trước để lại vẫn còn như: Sức cầu tiêu thụ của người dân yếu, xử lý nợ xấu chưa đạt kết quả đề ra, số lượng doanh nghiệp giải thể hoặc tạm dừng hoạt động cao (gần 70.000 doanh nghiệp).

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số cổ phiếu	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Do	1954	Giám đốc	5.200	
2	Phạm Trần Thọ	1960	Phó giám đốc	2.100	
3	Phan Chí Trung	1960	Phó giám đốc	9.800	
4	Trần Thị Hạnh	1961	Kế toán trưởng	9.200	

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Không có.

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a) Lực lượng lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm 2014 của Công ty là 169 người. Với đội ngũ gọn nhẹ bao gồm những công nhân kỹ thuật tay nghề cao, hiện nay lực lượng lao động được đánh giá là gọn nhẹ, hiệu quả và mang lại năng suất lao động cao.

b) Chính sách cho người lao động

Chính sách đào tạo: Hàng năm công ty tổ chức thi nâng tay nghề cho lực lượng công nhân lao động trực tiếp, qua đó nâng cao trình độ kỹ thuật và kỹ năng làm việc cho đội ngũ công nhân. Hiện nay, cấp bậc bình quân của đội ngũ công nhân kỹ thuật đạt bậc 5.

Chính sách tiền lương: Hiện nay Công ty đang áp dụng chế độ tiền lương dưới hai hình thức là lương thời gian (áp dụng đối với bộ phận quản lý và phục vụ) và lương sản phẩm (đối với công nhân trực tiếp sản xuất). Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành sắp xếp lại lao động ở một số bộ phận, giảm lượng lao động dư thừa ở một số khâu để tăng hiệu quả sản xuất và nâng cao thu nhập của người lao động trong Công ty.

Chính sách thưởng: Công ty có quy chế khen thưởng và mức thưởng phụ thuộc kết quả kinh doanh hàng năm. Ngoài ra, Công ty thường xuyên kiểm tra việc cấp phát vật tư, mức tiêu hao mực, giấy, kẽm, hóa chất... và áp dụng chế độ khen thưởng, động viên thỏa đáng đối với những CB-CNV thực hiện tốt chính sách tiết kiệm. Trong năm qua, nhờ chế độ khen thưởng phù hợp đã giúp đơn vị tiết kiệm nguyên vật liệu và giá trị phế liệu thu hồi đạt trên 774 triệu đồng.

Các chính sách khác: Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại, hưu trí, tử tuất vv...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm vừa qua, đã tiến hành thanh lý một số máy móc thiết bị cũ kỹ không còn sử dụng được đều đã hết giá trị khấu hao với số tiền thu được 683.727.273 đồng. Về mặt đầu tư thông qua hình thức đấu thầu đã trang bị một máy in kỹ thuật số hiệu FUJI XEROX, model 700 DCP, sản xuất năm 2013 với giá thành 500.000.000đ (công ty mua chỉ bằng nửa giá mà Công ty Chế bản Saigon 3 đã phải bỏ ra khi mua máy này trong năm 2013).

Từ việc đầu tư máy in kỹ thuật số, doanh nghiệp đã tiết kiệm được rất nhiều thời gian và chi phí cho việc in bù lại số sản phẩm vé số bị hư phát sinh từ khâu in số nhảy của các Công ty xổ số. Trong giai đoạn sắp tới, chúng tôi sẽ cố gắng khai thác hết năng lực của thiết bị cho các ấn phẩm khác như : Nhãn hàng, bao bì, Brochure, Catalogue, ... nhằm tăng doanh thu và đạt được tối đa công suất máy.

4. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	28.522.024.135	29.505.531.533	103
Doanh thu thuần	49.225.053.140	38.865.780.098	79
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.017.594.533	5.310.140.044	106
Lợi nhuận khác	442.630.002	924.650.774	209
Lợi nhuận trước thuế	5.460.224.535	6.234.790.818	114
Lợi nhuận sau thuế	4.235.801.124	4.809.621.832	114

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,49	3,56	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	3,40	3,37	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,25	0,25	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,33	0,33	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	23,03	30,64	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,73	1,31	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,09	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,20	0,22	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,15	0,16	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,10	0,14	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

(Tại thời điểm 19/09/2014 theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam số 812/2014/VSD-ĐK)

a/ Cổ đông

Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số cổ phần đang lưu hành	1.200.000	100%
Cổ phần phổ thông	1.200.000	100%
Cổ phần chuyển nhượng tự do	1.200.000	100%
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	0

b/ Cơ cấu cổ đông

Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ
Cổ đông tổ chức	672.810	56%
Cổ đông cá nhân	527.190	44%
Cộng	1.200.000	100%
Cổ đông Nhà nước	612.000	51%
Cổ đông trong nước	553.900	46%
Cổ đông nước ngoài	34.100	3%

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2014, vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan

a/ Thuận lợi :

* Giá cả vật tư hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu ổn định, nguồn hàng cung ứng dồi dào cả về số lượng lẫn đơn vị cung cấp nên đã giúp doanh nghiệp tìm được những vật tư mới có chất lượng cao hơn nhưng với giá thành hạ hơn.

* Các khách hàng thân thiết lâu năm như các Công ty xổ số kiến thiết, Công ty TNHH Văn Hóa Bảo Long vẫn duy trì mối quan hệ tốt đẹp vốn có với đơn vị, đồng thời luôn đáp ứng được các yêu cầu mà doanh nghiệp đề ra như giá công in, thời hạn chi trả, ... Đây là nguyên nhân tác động rất lớn đến quá trình hoàn thành kế hoạch SXKD của đơn vị trong năm vừa qua.

* Được sự giúp đỡ của Tổng Cty Văn Hóa Sài Gòn trong việc cho mượn mặt bằng 27 Nơ Trang Long để đơn vị có thể duy trì hoạt động sản xuất của phân xưởng Thành phẩm.

* Toàn bộ số tiền phải trả về thuê đất năm 2014 cho các mặt bằng hiện đang sử dụng, doanh nghiệp không phải chi trả do được miễn giảm 50% và đã thực hiện trong năm trước.

* Có một nền tài chính lành mạnh, không để phát sinh bất cứ một khoản nợ dây dưa khó đòi nào. Bên cạnh việc vốn hoạt động của quá trình sản xuất kinh doanh luôn được cung ứng đầy đủ, đơn vị còn vận dụng một cách linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn hiện có để tạo được một doanh thu tài chính khá cao góp phần cho việc hoàn thành các kế hoạch doanh thu, lợi nhuận,

* Tập thể CB-CNV toàn Công ty có trình độ tay nghề, chuyên môn thạo việc, luôn phát huy tinh thần đoàn kết và trách nhiệm trong công việc thể hiện qua việc sẵn sàng bám máy, bám việc để phục vụ các yêu cầu đột xuất của khách hàng.

b/ Khó khăn :

* Nguồn việc từ NXB Giáo Dục với sản phẩm là sách giáo khoa bị giảm sút nghiêm trọng do kết quả đấu thầu không đạt như ý muốn, vấn đề này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng, doanh thu hàng hóa thực hiện trong kỳ, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận của công ty không bị sút giảm do đơn giá công in sách giáo khoa rất thấp và khi thực hiện hầu như các nhà in chỉ hòa vốn.

* Mặt bằng nhà xưởng chật hẹp, manh mún không đáp ứng cho quá trình sản xuất, doanh nghiệp một mặt phải tận dụng tối đa diện tích hiện có, một mặt phải đi thuê lại làm chi phí sản xuất tăng cao. Đây là trở ngại vốn có từ rất nhiều năm qua mà doanh nghiệp chưa thể

xử lý. Hy vọng trong năm 2015, khi thị trường nhà đất ấm dần lên, đơn vị sẽ có điều kiện giải quyết triệt để vấn đề này nhờ vào kế hoạch hợp tác kinh doanh để khai thác mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch.

* Nhiều máy móc thiết bị đã cũ kỹ lạc hậu, năng suất và chất lượng sản phẩm kém, phân xưởng Phan Đăng Lưu đã hư hỏng nhiều nếu không tiến hành xây dựng mới thì doanh nghiệp phải tốn nhiều chi phí để nâng cấp và sửa chữa.

* Quỹ Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế ngày một tăng cao về tỷ lệ trích nộp trong khi các chế độ phúc lợi người công nhân lao động được hưởng trong nội dung này không có biến động.

* Khoản tiền 1 tỷ đồng đặt cọc theo hợp đồng để mua 1 ha đất trong khu công nghiệp Hoàng Gia Long An vẫn chưa được giải quyết do vẫn chỉ đang nằm ở khâu đấu giá.

2. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản ngắn hạn	26.093.880.197	24.658.865.543
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.190.095.007	18.927.867.854
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.411.370.959	5.021.281.761
Hàng tồn kho	1.394.893.321	690.006.582
Tài sản ngắn hạn khác	97.520.910	19.709.346
Tài sản dài hạn	3.411.651.336	3.863.158.592
Tài sản cố định	3.411.651.336	3.863.158.592
Tài sản dài hạn khác		
Tổng tài sản	29.505.531.533	28.522.024.135

b/ Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2013
Nợ ngắn hạn	7.329.568.977	7.055.667.378
Phải trả người bán	682.167.532	348.872.199

Người mua trả tiền trước	148.500.000	80.230.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	183.085.072	307.109.681
Phải trả người lao động	3.692.265.418	3.909.650.553
Chi phí phải trả	240.000.000	314.248.270
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	119.957.860	109.168.380
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.263.593.095	1.986.388.295
Nợ dài hạn		
Nợ phải trả	7.329.586.977	7.055.667.378

c/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Không có.

d/ Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	THỰC HIỆN 2014	KẾ HOẠCH 2015	%
1. Giá trị Tổng sản lượng (GCD 1994)	Tr.đồng	26.642	26.800	101
2. Sản phẩm sản xuất trong kỳ	Tr. trang	4.770	5.000	105
3. Tổng doanh thu bán hàng & cung cấp DV	Tr.đồng	40.106	43.000	105
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	6.235	6.400	103
5. Thuế thu nhập DN phải nộp	Tr.đồng	1.425	1.408	99
6. Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.809	4.992	104
7. Các khoản nộp ngân sách	Tr.đồng	4.501	5.680	126
8. Tổng số lao động	Người	169	165	98
9. Phân phối lợi nhuận				
Trong đó: + Quỹ dự phòng tài chính	Tr.đồng	450	400	89
+ Quỹ khen thưởng	”	900	800	89
+ Cổ tức cổ đông	”	3.240	3.000	93

+ Chuyển năm sau	”	219	792	362
+ Tỷ lệ cổ tức	%	27	25	93
+ Chi khác	Tr.đồng	98	(Theo thực tế)	

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

a/ Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Trên tinh thần chỉ đạo của việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm mà Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn đã giao theo phương châm năm sau vượt hơn năm trước từ 5% → 7%. Trong năm vừa qua, tập thể lãnh đạo và CNV công ty đã nỗ lực khai thác nguồn việc, cung ứng vật tư để tổ chức sản xuất, điều hành các hoạt động của công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh hết sức tốt đẹp thể hiện qua các nội dung dưới đây :

BẢNG SỐ LIỆU KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Nội dung	ĐVT	KH 2014	TH năm 2014	So sánh %
1. Giá trị sản xuất công nghiệp (GCD 94)	Tr.đồng	24.400	26.642	110
2. Sản lượng trang in (13 x 19cm)	Tr. trang	4.500	4.770	106
3. Tổng doanh thu bán hàng & cung cấp DV	Tr.đồng	39.000	40.106	105
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.750	6.235	108
5. Nộp ngân sách	Tr.đồng	3.700	4.501	122
6. Tổng số lao động BQ	Người	175	169	97
7. Thu nhập bình quân(người/tháng)	Tr.đồng	7.5	8.7	116
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	3.738	4.008	107
9. Cổ tức				
- Tỷ lệ	%	22	27	123
- Số tiền	Tr. đồng	2.640	3.240	123

Nhận xét chung :

Bảng số liệu cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch đề ra, trong đó đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng hơn 12% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này nói lên sự nỗ lực rất cao của tập thể Ban điều hành và cán bộ công nhân viên toàn Công ty.

- Sản lượng trang in lần doanh thu mặc dù thực hiện vượt kế hoạch nhưng lại giảm sút nhiều - khoảng hơn 15% - so với thực hiện của năm trước; nguyên nhân là do nguồn hàng sách giáo khoa đấu thầu mất hơn 70%. Nhưng như trên đã trình bày, yếu tố này hầu như không có tác động gì đến chỉ tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Thu nhập bình quân của người lao động ở mức tương đối cao so với mặt bằng chung, giúp người lao động an tâm gắn bó với nhà máy. Cụ thể thu nhập bình quân đạt 8.400.000 đồng/người/tháng.

- Trên cơ sở hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận, ngoài việc ổn định thu nhập cho người lao động, doanh nghiệp cũng có điều kiện nâng cao mức cổ tức cho nhà đầu tư. Dự kiến tỷ lệ thực hiện từ 25 → 27%.

b/ Đầu tư phát triển:

Trong năm vừa qua, đã tiến hành thanh lý một số máy móc thiết bị cũ kỹ không còn sử dụng được đều đã hết giá trị khấu hao với số tiền thu được 683.727.273 đồng. Về mặt đầu tư thông qua hình thức đấu thầu đã trang bị một máy in kỹ thuật số hiệu FUJI XEROX, model 700 DCP, sản xuất năm 2013 với giá thành 500.000.000đ (chỉ bằng nửa giá mà Công ty Chế bản Saigon 3 đã phải bỏ ra khi mua máy này trong năm 2013).

- Từ việc đầu tư này, doanh nghiệp đã tiết kiệm được rất nhiều thời gian và chi phí cho việc in bù lại số sản phẩm vé số của các Công ty xổ số bị hư phát sinh từ khâu in số nhảy. Trong giai đoạn sắp tới, chúng tôi sẽ cố gắng khai thác hết năng lực của thiết bị cho các ấn phẩm khác như : Nhãn hàng, bao bì, Brochure, Catalogue, ... nhằm tăng doanh thu và đạt được tối đa công suất máy.

c/ Quản lý và sử dụng vốn

Số dư tiền mặt và các khoản tương đương tiền đến thời điểm 31/12/2014 là hơn 22 tỷ đồng. Nếu so với vốn góp ban đầu mà các nhà đầu tư bỏ ra là 12 tỷ đồng, có thể thấy ngay Vốn chủ sở hữu được quản lý chặt chẽ và hiệu quả trên quan điểm chi tập trung đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính - ngành In - không dàn trải hoặc tham gia thị trường chứng khoán nhiều rủi ro.

d/ Tỷ lệ cổ tức và trích lập Quỹ phúc lợi khen thưởng

- Tỷ lệ cổ tức dự kiến : 27%/ giá trị cổ phần.

- Trích lập Quỹ dự phòng TC : 450.000.000 đồng
- Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi : 900.000.000 đồng
- Các khoản nộp ngân sách : 4.501.000.000 đồng
- Thu nhập bình quân của người lao động : 8,4 triệu đồng/người/tháng

Từ kết quả trên, chúng ta có thể thấy được mối quan hệ giữa lợi ích của các cổ đông, quyền lợi người lao động cũng như nghĩa vụ nộp ngân sách đã được doanh nghiệp thực hiện một cách hài hòa và đúng theo quy định hiện hành.

e/ Khai thác nguồn việc, nguồn cung ứng :

- Thương hiệu In số 4 ngày càng được tín nhiệm trên thương trường về mặt chất lượng, giá cả, thời gian giao hàng và đặc biệt tình trạng in nổi bản, in sai số lượng trên giấy phép tuyệt đối không để xảy ra tại đơn vị. Việc theo dõi công nợ và chế độ thanh toán đối với khách hàng bao gồm cả đầu vào – các nhà cung ứng vật tư - lẫn đầu ra - các Công ty XSKT và NXB luôn được đầy đủ, chính xác trên tinh thần hỗ trợ và tôn trọng lẫn nhau nên doanh nghiệp càng có thêm được sự tin yêu và tin tưởng nơi các đối tác kinh doanh.

- Ban Quản lý điều hành trực tiếp liên hệ với các khách hàng thân thiết lâu năm cũng như các nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu chủ yếu vào dịp cuối năm nhằm chuẩn bị các hợp đồng kinh tế cho năm sau, giúp cho nguồn việc, nguồn vật tư của Công ty được ổn định cả năm.

- Công tác tìm tòi và khai thác nguồn cung ứng nguyên liệu mới có giá thành hạ nhưng chất lượng vẫn đảm bảo luôn được doanh nghiệp chú trọng, kết quả trong năm đã ký được hợp đồng với một đơn vị cung ứng mực do Châu Âu sản xuất nhưng chi phí tiết kiệm hơn 12% (104.000^d/92.000^d/kg).

f/ Hoạt động khác :

Trong năm 2014, Công ty đã được Bộ tài chính tặng bằng khen do đã có thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế theo QĐ số 1148/QĐ-TC ngày 27/5/2014.

- Chăm lo đời sống : Như trên đã trình bày, nên cạnh việc đạt và vượt kế hoạch chỉ tiêu cổ tức, Công ty luôn quan tâm đến thu nhập của người lao động, đồng thời các tiêu chuẩn đã được ký kết trong Thỏa ước LĐTT cũng được thực hiện một cách đầy đủ và đúng hạn. Các chế độ khác của người lao động như Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn, bồi dưỡng độc hại, trang thiết bị bảo hộ lao động được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

- Thực hiện Luật Lao động, xây dựng nội quy lao động, xây dựng các quy chế nhằm phát huy và thực hiện tốt quy chế dân chủ sơ sở. Hàng năm Công ty đều tổ chức thi nâng tay

nghề nâng bậc cho lực lượng công nhân, chi trả 100% kinh phí và vật tư sử dụng để tham gia các kỳ thi tay nghề nâng bậc kỹ thuật của lao động trực tiếp sản xuất cũng như nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bộ phận gián tiếp sản xuất nếu thấy phù hợp với nhu cầu công việc mà đơn vị đang phân công.

+ BHXH, BHYT & BHTN	:	2.652.564.018 đồng.
+ Trích kinh phí Công đoàn	:	163.234.680 đồng.
Trong đó nộp cấp trên	:	57.132.138 đồng.
+ Bồi dưỡng độc hại, BHLĐ	:	228.620.100 đồng.

- Việc phối hợp hoạt động giữa các tổ chức Đảng, Công đoàn với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành theo đúng quy định của pháp luật nhằm mục đích đưa doanh nghiệp phát triển một cách bền vững. Trong năm, đã kết nạp thêm 1 đảng viên mới từ bộ phận trực tiếp sản xuất góp phần nâng cao vai trò và tiếng nói của người lao động trong các sinh hoạt của nhà máy.

- Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội và hoạt động văn hóa do Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn cũng như tại địa phương đã đề ra như : Ủng hộ chương trình nông thôn mới và biển đảo quê hương, ủng hộ quỹ an ninh quốc phòng địa phương, chăm lo tết cho người nghèo, hội diễn văn nghệ và hội thao toàn Tổng công ty, ... Tổng số tiền ủng hộ cho các nội dung này là khoảng hơn 100 triệu đồng.

- Việc sửa chữa lớn phân xưởng Phan Đăng Lưu có diện tích hơn 500m² đã được thực hiện với hình thức đấu thầu, chào giá công khai, chi phí toàn bộ của công trình là 482.901.400 đồng, trong đó chưa có kinh phí của hệ thống phòng cháy chữa cháy. Công trình sẽ được hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 2/2015. Với kết quả này mặt bằng Nơ Trang Long được hoàn trả cho Tổng Công Ty và doanh nghiệp sẽ tiết kiệm khoản chi phí thuê mặt bằng và vận chuyển bán thành phẩm ước tính 700 → 800 triệu đồng/năm.

*** Một số mặt còn thiếu sót, hạn chế :**

- Mặt bằng sản xuất và kho chứa vật tư của khách hàng gởi trở thành nỗi lo hàng đầu. Việc bố trí mặt bằng làm việc tại phân xưởng Phan Đăng Lưu sẽ trở nên chật chội, áp lực hơn do phải thực hiện cùng lúc hai chức năng : phân xưởng in và phân xưởng thành phẩm. Để hạn chế bớt những khó khăn từ mặt bằng, doanh nghiệp phải hết sức tranh thủ và phối hợp nhịp nhàng với các khách hàng có lượng hàng hóa nhiều và thường xuyên – NXB Giáo Dục, các Cty XSKT – để quá trình SXKD của các bên đều thuận lợi và hiệu quả.

- Dự án hợp tác khai thác mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch để kinh doanh văn phòng đã được doanh nghiệp tái khởi động do nhận thấy thị trường bất động sản có dấu hiệu ấm trở lại nhưng chưa có kết quả cụ thể vì đơn vị phải tiến hành xin thay đổi chức năng của khu đất. Sau

khi có quyết định chấp thuận của UBND thành phố Hồ Chí Minh, hy vọng dự án sẽ hoàn chỉnh được các thủ tục pháp lý và chọn được nhà đầu tư có tiềm năng trong năm kế hoạch 2015.

- Công tác tiếp thị và tìm tòi thêm các khách hàng mới nhằm bổ sung cho nguồn việc phong phú và đa dạng hơn chưa đạt hiệu quả như mong muốn do nguồn cung đang vượt cầu đối với các sản phẩm in trên giấy. Từ đây dẫn tới một sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các nhà in đặc biệt đối với khối doanh nghiệp tư nhân nhỏ và gia đình.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban giám đốc Công ty đã có sự quan tâm chỉ đạo sát sao ngay từ đầu năm, thực hiện tốt nhiệm vụ và phát huy những kết quả đạt được của năm 2013; đồng thời đã khắc phục những thiếu sót còn tồn tại để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

a/ Tình hình chung

Trong năm qua, bằng vào những giải pháp tích cực và chính xác do chính phủ đề ra mà nền kinh tế của Việt Nam đã có được những dấu hiệu tích cực như : GDP tăng trưởng vượt dự báo, lạm phát được kiểm chế ở mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại, thị trường tiền tệ ổn định, ... Tuy nhiên, các khó khăn của năm nay như sức cầu của xã hội thấp, nợ xấu chưa được xử lý theo như kế hoạch ra, các doanh nghiệp giải thể và ngừng hoạt động cao vẫn còn tồn tại.

Bước vào năm 2015, đối với Công ty CP In số 4, do tình hình cạnh tranh trong nội bộ ngành ngày càng gay gắt do nguồn cung vượt cầu đối với các sản phẩm in từ giấy nên kế hoạch phát triển SXKD gặp nhiều trở ngại trong vấn đề tăng trưởng.

Chính vì vậy, căn cứ vào tình hình thực tế của thị trường và các hợp đồng kinh tế cũng như khối lượng công việc mà doanh nghiệp có khả năng ký kết được với các đối tác và đặc biệt là tinh thần chỉ đạo của Tổng Cty Văn Hóa Sài Gòn trong việc đưa ra phương hướng, kế hoạch năm 2015 cho các đơn vị, thì việc xây dựng kế hoạch SXKD đã được doanh nghiệp thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao nhất có thể gói gọn trong phương châm sau : **Doanh thu hàng hóa và lợi nhuận kế hoạch năm sau luôn cao hơn kế hoạch và thực hiện năm trước từ 5% → 10%.**

Chúng tôi hy vọng rằng các cổ đông, đặc biệt là Tổng Công ty cũng như người lao động đều thấy được nhiệm vụ nặng nề khó khăn của doanh nghiệp trong việc thực hiện Bảng kế hoạch này, để từ đó cùng đồng hành và chia sẻ với đơn vị trong quá trình thực hiện.

2/ Mục tiêu chính :

- Giữ vững ổn định sản xuất, duy trì và thực hiện tốt các hợp đồng với các khách hàng truyền thống.

- Nâng cao chất lượng, mẫu mã và nhất là độ an toàn đối với các mặt hàng chủ lực của doanh nghiệp như vé số, lịch bloc, ...

- Khai thác và đẩy mạnh mảng doanh thu hàng hóa từ máy in kỹ thuật số trên cơ sở củng cố bộ phận kỹ thuật và Design nhằm cung cấp cho khách hàng các ấn phẩm đẹp và độc đáo.

- Triển khai tiến độ dự án hợp tác kinh doanh xây dựng Tòa nhà văn phòng làm việc tại địa chỉ 61 Phạm Ngọc Thạch theo đúng các quy định của nhà nước và nhất là tạo được sự tin tưởng nơi nhà đầu tư về sự minh bạch và hiệu quả của dự án.

- Tăng cường công tác quản lý điều hành nhằm mục đích nâng cao thu nhập của doanh nghiệp nói chung và thu nhập của người lao động cũng như cổ tức cho các cổ đông nói riêng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Số thành viên của Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 05 năm.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Số CP</u>	<u>Chức danh</u>
01.	Ông Phan Chí Trung	9.800	Chủ tịch Hội đồng quản trị
02.	Ông Nguyễn Văn Do	5.200	Phó chủ tịch HĐQT. Giám đốc
03.	Ông Phạm Trần Thọ	2.100	Thành viên Hội đồng quản trị
04.	Bà Trần Thị Hạnh	9.200	Thành viên Hội đồng quản trị
05.	Ông Trần Văn Nhanh	4.550	Thành viên Hội đồng quản trị

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2014:

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời nắm bắt và xây dựng các định hướng phát triển doanh nghiệp. Đồng thời, Hội đồng quản trị

cũng chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã đề ra các nghị quyết, quyết định quan trọng để thực hiện và hoàn thành thắng lợi các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông đã thông qua với các kết quả nổi bật về doanh thu, lợi nhuận cũng như các chỉ tiêu khác.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT:

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2014 là 1.500.000 đồng/người/tháng.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên có nhiệm kỳ 05 năm Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Số CP</u>	<u>Chức danh</u>
01	Bà Lê Thị Đan Phương	8.750	Trưởng Ban Kiểm soát
02	Ông Nguyễn Văn Minh	-	Thành viên Ban Kiểm soát
03	Ông Nguyễn Hữu Tài	1.970	Thành viên Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2014:

- Kiểm soát chiến lược:

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban điều hành. Tham gia đủ tất cả các phiên họp thường kỳ cũng như bất thường của HĐQT. Đóng góp ý kiến xây dựng các quyết định, nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật doanh nghiệp mới và điều lệ công ty.
- Giám sát HĐQT thực hiện chức năng trong công tác nhân sự.
- Thường xuyên ghi nhận, kiểm tra các ý kiến, kiến nghị, đề xuất của cổ đông và đề nghị HĐQT, Ban giám đốc xem xét, giải thích và giải quyết kịp thời các kiến nghị đó.

- Kiểm soát hoạt động:

- Tổ chức kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính của công ty (01lần/năm)
- Giám sát việc chấp hành các chế độ chính sách với người lao động.

- Giám sát việc chi trả cổ tức và thực hiện phân bổ lợi nhuận hàng năm.

- **Kiểm soát Báo cáo tài chính:**

Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập để thực hiện báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm; Giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đề xuất.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên ban Kiểm soát năm 2014 là 1.500.000 đồng /người/tháng

3. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Để tăng cường hơn nữa hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc sẽ tập trung thực hiện các kế hoạch sau:

- Phát huy tối đa văn hóa dân chủ để có thể huy động mọi khả năng, năng lực tiềm tàng của người lao động trong công ty nhằm giúp doanh nghiệp có thể phát triển bền vững và hiệu quả.
- Ổn định hơn nữa mô hình tổ chức để xây dựng bộ máy hợp lý khoa học trên cơ sở các quy trình tác nghiệp mô tả công việc; Bộ máy điều hành cần tinh gọn nhưng vẫn đảm bảo điều hành toàn công ty hiệu quả.
- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo có kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, kết hợp các phương thức đào tạo và tự đào tạo.
- Liên tục cập nhật, đổi mới, nhất là quy chế nội bộ.
- Lựa chọn những cán bộ có đủ năng lực, chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thành lập một bộ phận chuyên trách giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Số 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		26,093,880,197	24,658,865,543
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		22,190,095,007	18,927,867,854
1. Tiền	111	V.01	1,190,095,007	927,867,854
2. Các khoản tương đương tiền	112		21,000,000,000	18,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,411,370,959	5,021,281,761
1. Phải thu của khách hàng	131		2,572,133,501	4,986,281,761
2. Trả trước cho người bán	132		50,000,000	35,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1,043,050,458	1,000,000,000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-1,253,813,000	-1,000,000,000
IV. Hàng tồn kho	140		1,394,893,321	690,006,582
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1,394,893,321	690,006,582
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97,520,910	19,709,346
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,520,910	19,709,346
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		90,000,000	
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		3,411,651,336	3,863,158,592
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		3,411,651,336	3,863,158,592
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	3,411,651,336	3,863,158,592

- Nguyên giá	222		23,235,833,495	26,354,291,517
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-19,824,182,159	-22,491,132,925
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		29,505,531,533	28,522,024,135
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		7,329,568,977	7,055,667,378
I. Nợ ngắn hạn	310		7,329,568,977	7,055,667,378
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả người bán	312		682,167,532	348,872,199
3. Người mua trả tiền trước	313		148,500,000	80,230,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	183,085,072	307,109,681
5. Phải trả người lao động	315		3,692,265,418	3,909,650,553
6. Chi phí phải trả	316	V.17	240,000,000	314,248,270
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	119,957,860	109,168,380
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2,263,593,095	1,986,388,295
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		

3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		22,175,962,556	21,466,356,757
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	22,175,962,556	21,466,356,757
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12,000,000,000	12,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,247,974,425	3,247,974,425
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,508,700,000	2,058,700,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4,419,288,131	4,159,682,332
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		29,505,531,533	28,522,024,135
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	000			
1. Tài sản thuê ngoài		24		
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	38,865,780,098	49,225,053,140
2. Các khoản giảm trừ	02			
+ Chiết khấu thương mại	03			
+ Giảm giá	04			
+ Hàng bán bị trả lại	06			
+ Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tr/t phải nộp	07			
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10		38,865,780,098	49,225,053,140
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	30,713,709,773	41,487,086,766
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		8,152,070,325	7,737,966,374
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1,240,710,347	1,669,196,380
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,082,640,628	4,389,568,221
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5,310,140,044	5,017,594,533
11. Thu nhập khác	31		924,650,774	442,630,002
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		924,650,774	442,630,002
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6,234,790,818	5,460,224,535
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1,425,168,986	1,224,423,411
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		4,809,621,832	4,235,801,124
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4,008	3,530

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		45,985,776,373	51,376,424,533
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-15,149,477,353	-23,692,854,651
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-16,922,219,597	-16,979,133,467
4. Tiền chi trả lãi	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-1,451,974,272	-1,333,834,798
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		218,332,537	416,239,484
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07		-7,061,063,182	-8,109,226,260
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		5,619,374,506	1,677,614,841
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-500,000,000	-751,009,091
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,240,710,347	1,669,196,380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		740,710,347	918,187,289
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu đã p/hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-3,097,857,700	-3,041,914,650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-3,097,857,700	-3,041,914,650
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3,262,227,153	-446,112,520
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18,927,867,854	19,373,980,374
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	VII.34	22,190,095,007	18,927,867,854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Số 4 được thành lập theo Quyết định số 4934/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2004 về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In số 4 thành Công ty Cổ phần In Số 4, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14 tháng 04 năm 2005.

Trụ sở chính tại: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 4 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 09 tháng 11 năm 2012; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện số 189/GCN do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2012; Giấy phép hoạt động ngành in do Cục Xuất Bản cấp ngày 28 tháng 10 năm 2005, hoạt động kinh doanh là Chế bản, in sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm và các ấn phẩm khác, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội.

NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tài sản của Công ty được theo dõi theo thời gian sử dụng còn lại và được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Nhà xưởng | 10 – 25 năm |
| - Máy móc thiết bị | 04 – 07 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Quỹ tiền lương

Tiền lương Công ty được chi trả theo Quyết định số 01/QĐ-IN4-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2014 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2014.

Công ty được duyệt đơn giá tiền lương năm 2014 là 4.133 đồng trên 1.000 trang in 13x19.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 19 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014.

Công ty không hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế, phần thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế xác định bằng (=) tổng thu nhập tính thuế (không bao gồm thu nhập khác) nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế so với tổng doanh thu của Công ty trong kỳ tính thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 18, điểm b khoản 3 Điều 19 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	1.190.095.007	927.867.854
Tiền mặt	328.636.267	471.068.845
Tiền gửi ngân hàng	861.458.740	456.799.009
Các khoản tương đương tiền	21.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	22.190.095.007	18.927.867.854

Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nhà Xuất Bản Thời Đại	362.590.000	562.590.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	453.702.458
Công ty TNHH Hồng Hưng	500.118.220	665.118.220
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai	704.000.000	924.000.000
Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết Tây Ninh	380.050.000	642.400.000
Công ty TNHH TM & DV Văn hóa Bảo Long	554.317.500	974.197.400
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Long An	-	462.000.000
Các khách hàng khác	71.057.781	302.273.683
Cộng	2.572.133.501	4.986.281.761

Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM DV Đồng Thuận	-	35.000.000
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Tam Quan Bình Định	50.000.000	-
Cộng	50.000.000	35.000.000

Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	1.000.000.000 (*)	1.000.000.000
Thuế thu nhập cá nhân phải thu CB-CNV nhân	43.050.458	-
Cộng	1.043.050.458	1.000.000.000

(*) Là khoản tiền đặt cọc mua đất cho Công ty TNHH Hoàng Gia Long An theo Hợp đồng số 79 ngày 25 tháng 03 năm 2008, tuy nhiên Hợp đồng này đã không thực hiện và thanh lý theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 29 ngày 28/08/2009.

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Nhà Xuất Bản Thời Đại	253.813.000	-
Cộng	1.253.813.000	1.000.000.000

Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	934.626.234	504.121.445
Công cụ, dụng cụ	4.975.113	11.319.137
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	455.291.974	174.566.000
Giá gốc của hàng tồn kho	1.394.893.321	690.006.582

Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ dự thầu	90.000.000	-
Cộng	90.000.000	-

Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	4.449.193.400	20.488.774.488	1.416.323.629	26.354.291.517
Tăng trong năm	-	500.000.000	-	500.000.000
<i>Mua sắm mới</i>	-	500.000.000	-	500.000.000
Giảm trong năm	-	3.618.458.022	-	3.618.458.022
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	3.618.458.022	-	3.618.458.022
Số cuối năm	4.449.193.400	17.370.316.466	1.416.323.629	23.235.833.495
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	4.140.894.903	16.933.914.393	1.416.323.629	22.491.132.925
Khấu hao trong năm	125.491.812	826.015.444	-	951.507.256
Giảm trong năm	-	3.618.458.022	-	3.618.458.022
Số cuối năm	4.266.386.715	14.141.471.815	1.416.323.629	19.824.182.159
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	308.298.497	3.554.860.095	-	3.863.158.592
Số cuối năm	182.806.685	3.228.844.651	-	3.411.651.336

Nguyên giá tài sản cố định tại 31/12/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.609.323.809 đồng.

Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM SX DV Viễn Thái	7.229.200	34.597.200
CN Tổng Công ty CN In Bao Bì Liksin – TTKD An Thịnh Liksin	20.518.300	49.885.000
Công ty TNHH Giấy Tân Sanh	16.340.555	16.780.720
Công ty TNHH Sakata Inx Việt Nam	17.074.200	54.912.000
Công ty Cổ phần In và Vật tư Sài Gòn	20.058.500	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP HCM	491.106.777	-
Công ty TNHH TM SX Vĩnh Tường Phát	109.840.000	23.180.000
Các nhà cung cấp khác	-	169.517.279
Cộng	682.167.532	348.872.199

Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Ninh	148.500.000	73.500.000
Các khách hàng khác	-	6.730.000
Cộng	148.500.000	80.230.000

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	72.286.769	236.105.890
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.187.695	90.992.981
Thuế thu nhập cá nhân	46.610.608	(19.989.190)
Cộng	183.085.072	307.109.681

Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí in sách giáo khoa	-	314.248.270
Chi phí sửa chữa phân xưởng Phan Đăng Lưu	240.000.000	-
Cộng	240.000.000	314.248.270

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	19.957.860	4.125.720
Bảo hiểm xã hội	-	5.042.660
Công ty TNHH TM-SX-DV Tân Vinh Cường	100.000.000	100.000.000
Cộng	119.957.860	109.168.380

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	1.986.388.295	1.754.428.295

Trích lập từ lợi nhuận	900.000.000	800.000.000
Chi quỹ trong năm	(622.795.200)	(568.040.000)
Số cuối năm	2.263.593.095	1.986.388.295

Vốn chủ sở hữu

6.1. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	12.000.000.000	3.247.974.425	1.658.700.000	4.207.892.608
Tăng trong năm trước	-	-	400.000.000	4.235.801.124
Giảm trong năm trước	-	-	-	4.284.011.400
Số dư cuối năm trước	12.000.000.000	3.247.974.425	2.058.700.000	4.159.682.332
Số dư đầu năm nay	12.000.000.000	3.247.974.425	2.058.700.000	4.159.682.332
Tăng trong năm nay	-	-	450.000.000	4.809.621.832
Giảm trong năm nay	-	-	-	4.550.016.033
Số dư cuối năm nay	12.000.000.000	3.247.974.425	2.508.700.000	4.419.288.131

6.2. Chi tiết giảm lợi nhuận sau thuế như sau:

- Chi thưởng tiết kiệm giấy	97.857.700
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	900.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính	450.000.000
- Chia cổ tức	3.000.000.000
- Truy thu thuế theo Quyết toán của Cục thuế TP HCM năm 2012, 2013	102.158.333
Cộng	4.550.016.033

6.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.200.000	1.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu)	10.000	10.000

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu công in	38.865.780.098	49.225.053.140

Cộng	38.865.780.098	49.225.053.140
Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng đã bán	30.713.709.773	41.487.086.766
Cộng	30.713.709.773	41.487.086.766
Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.240.710.347	1.669.196.380
Cộng	1.240.710.347	1.669.196.380
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.688.078.814	2.728.053.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.445.318	45.188.122
Thuế, phí và lệ phí	80.165.751	766.166.120
Chi phí dự phòng	253.813.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.810.608	70.791.300
Chi phí bằng tiền khác	956.327.137	779.369.131
Cộng	4.082.640.628	4.389.568.221
Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Giấy tiết kiệm	241.923.500	199.630.002
Thanh lý tài sản	682.727.274	243.000.000
Cộng	924.650.774	442.630.002
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.310.124.203	1.224.423.411
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	115.044.783	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.425.168.986	1.224.423.411
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.809.621.832	4.235.801.124
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	4.809.621.832	4.235.801.124
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.200.000	1.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.008	3.530

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	6.420.886.310	14.044.241.373
Chi phí nhân công	19.520.633.160	20.213.945.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	951.507.256	1.167.036.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	769.718.370	909.103.902
Chi phí khác bằng tiền	7.414.331.279	8.593.968.380
Cộng	<u>35.077.076.375</u>	<u>44.928.295.987</u>

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2015